

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

(Ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 93/NQ-DEIDCO ngày 26/03/2020)

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Chương I: Quy định chung.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	3
Chương II: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 3. Trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 5. Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 6. Bầu, biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 8. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
Chương III. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 12. Thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 13. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 14. Bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 16. Thông báo về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Chương IV. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	13
Điều 17. Triệu tập họp Hội đồng quản trị	13
Điều 19. Thông báo họp Hội đồng Quản trị.....	16
Điều 20. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị.....	16
Điều 21. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	17
Điều 22. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	17
Điều 23. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị	18
Chương V. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban Hội đồng quản trị.....	18
Điều 24. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	18
Chương VI. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên	19
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	19
Điều 26. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	19
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên	20
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	20
Điều 29. Thông báo thay đổi, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	21
Chương VII. Hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp; lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	21

Điều 30. Hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp	21
Điều 31. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	21
Điều 32. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp	22
Điều 32. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp.....	22
Điều 34. Các trường hợp từ nhiệm, miễn nhiệm đối với người điều hành doanh nghiệp	23
Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	23
Chương VIII. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và	
Tổng Giám đốc điều hành.....	23
Điều 36. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành	23
Điều 37. Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.....	24
Điều 38. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc điều hành	24
Điều 39. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành	25
Điều 40. Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp.....	25
Chương IX. Ngăn ngừa xung đột lợi ích	26
Điều 41. Trách nhiệm của người điều hành doanh nghiệp trong việc ngăn ngừa xung đột lợi ích.....	26
Điều 42. Giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	26
Chương X. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.....	26
Điều 43. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.....	26
Chương XI. Ngày hiệu lực	27
Điều 44. Ngày hiệu lực.....	27

Chương I: Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng theo quy định của:

- a) Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- b) Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- c) Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;
- d) Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với các Công ty đại chúng;
- e) Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 hướng dẫn về một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với các Công ty đại chúng;

f) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 28/3/2018

2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp; quy định về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành. Đồng thời Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.

3. Đối tượng áp dụng:

- a) Cổ đông;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Ban điều hành gồm: Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- d) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- e) Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng;
- b) “Điều lệ Công ty” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng;
- c) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ Công ty;
- d) "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- e) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

f) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

h) "Cán bộ quản lý khác" là các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm như Trưởng, Phó Phòng ban nghiệp vụ.

i) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

j) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

k) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Chương II: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông và gửi thông báo mời họp

a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

- Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

- Các công việc khác phục vụ đại hội.

c) Người phụ trách quản trị Công ty và/hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm cùng người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Đồng thời người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể chỉ định Người phụ trách quản trị Công ty và/hoặc Thư ký Công ty thực hiện các thủ tục thông báo về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông: Theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Công ty phải thực hiện việc đăng ký đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, sau đó người triệu tập cuộc họp tuyên bố khai mạc đại hội và thực hiện bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết thì người triệu tập họp hủy cuộc họp theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

c) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết trước, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Việc thực hiện biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 2, 3, 4, 5 Điều 8 Quy chế này và theo quy định tại Điều lệ Công ty.

d) Sau khi Đại hội đồng cổ đông thực hiện biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu;

e) Thư ký chuẩn bị dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo kết quả biểu quyết tại cuộc họp và cung cấp dự thảo đó cho Chủ tọa để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 10 Quy chế này;

f) Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ ra quyết định chọn ngày đăng ký cuối cùng về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội. Quyết định này được lập thành văn bản và thông báo cho Người phụ trách quản trị Công ty và/hoặc Thư ký công ty. Người phụ trách quản trị Công ty và/hoặc Thư ký công ty có trách nhiệm đăng tải thông báo thông tin này đến cổ đông và các cơ quan liên quan khác (Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán) theo các quy định của pháp luật.

Thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 5. Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty tổ chức Ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Các giấy tờ cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông cần mang theo như sau:

a) Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông;

b) Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp) và Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người được ủy quyền.

2. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu khác, trong đó:

a) Thẻ biểu quyết có ghi thông tin của cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông cùng các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Công ty hoặc chữ ký của Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Phiếu bầu cử có ghi thông tin của cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông, tổng số lượng phiếu bầu, danh mục các ứng viên trong danh sách được bầu cử và các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Công ty hoặc chữ ký của Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 6. Bầu, biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung đưa ra trước Đại hội:

a) Tán thành với nội dung vừa được trình;

b) Không tán thành với nội dung vừa được trình;

c) Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức biểu quyết:

a) Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”: khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao.

b) Thẻ thức biểu quyết cụ thể được quy định theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 19 Điều lệ Công ty;

4. Phương thức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, bầu Kiểm soát viên:

Phương thức nộp: “Phiếu bầu cử”: mỗi cổ đông, đại diện ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị (hoặc của Ban Kiểm soát). Khi đó, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông ghi số phiếu biểu quyết ứng với mỗi ứng viên có trong phiếu bầu cử và nộp về Ban Kiểm phiếu.

5. Tính hợp lệ của Thẻ Biểu quyết, Phiếu bầu cử:

a) Về hình thức: Thẻ, Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của Công ty, được viết bằng bút mực, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

b) Về nội dung:

- Cổ đông, đại diện ủy quyền phải viết đầy đủ các thông tin được yêu cầu trên phiếu.

- Tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông trong phiếu bầu không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

- Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

6. Thẻ thức tiến hành biểu quyết và bầu cử phải tuân thủ theo các quy định khác được ghi trong Điều lệ Công ty; trong Quy chế bầu cử, Quy chế biểu quyết được thông qua tại Đại hội.

7. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử

a) Khi bắt đầu cuộc họp, Chủ tọa cuộc họp trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách thành viên Ban kiểm phiếu. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là các cổ đông của Công ty.

b) Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ tiến hành ghi nhận kết quả biểu quyết khi thông qua các vấn đề được đưa ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, kết quả kiểm phiếu bầu cử. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử

a) Thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử

Sau khi tiến hành ghi nhận kết quả biểu quyết, kết quả kiểm phiếu bầu cử, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu và trình bày ngay kết quả cho Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm thông báo kết quả đó cho Đại hội đồng cổ đông.

b) Biên bản kiểm phiếu:

Biên bản kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu lập ra và có đầy đủ tất cả các thông tin sau:

- Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Các thành viên trong Ban kiểm phiếu;
- Tất cả các nội dung biểu quyết/bầu cử theo quy định của pháp luật;
- Thời gian kết thúc kiểm phiếu;
- Chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 8. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán gần nhất;
- m) Công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) một loại cổ phần phát hành;
- n) Trước thời điểm 01/08/2020, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Kể từ 01/08/2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành trừ trường hợp pháp luật có quy định khác cho phép việc này;
- o) Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Được số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;

b) Đối với nghị quyết về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty; tổ chức lại; giải thể Công ty; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán thì phải được số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty;

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi lại toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản cuộc họp theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải ký tên vào biên bản và liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời gian hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp công ty niêm yết/đăng ký giao dịch).

2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, của Sở giao dịch Chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, của Sở giao dịch Chứng khoán.

3. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Quy trình và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo **Điều 24** Điều lệ Công ty. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;

b) Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

c) Định hướng phát triển công ty;

d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;

f) Quyết định giao dịch mua hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Chương III. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 12. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Đến thời điểm 01/08/2019, thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

d) Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 151, Luật Doanh nghiệp.

4. Kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2020, Chủ tịch Hội đồng không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty. Đến thời điểm quy định tại khoản này có hiệu lực, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty và phải được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm chấp thuận.

Điều 13. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, được quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

a) Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Phương thức bầu dồn phiếu: mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

b) Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo tổng số quyền biểu quyết được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có tổng số quyền biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị quy định.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử thông qua Đại hội.

2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như tại khoản 1 [Điều 14](#) Quy chế này.

b) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên mới hoặc thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.

Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này, Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ rằng người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 16. Thông báo về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty có quyết định về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên các phương tiện đại chúng quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương IV. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 17. Triệu tập họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- e) Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3, Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. Kiểm toán viên tham dự cuộc họp có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

6. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty chuẩn bị và gửi thông báo họp theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại Khoản 3, 4 và 5 Điều 34 của Điều lệ Công ty.

2. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

3. Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

4. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi

ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 45 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

5. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

6. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%) tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

7. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

9. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

10. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Hội đồng quản trị có thể thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

1. Giấy mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được Thư mời họp và tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký Công ty có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thư mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty.

4. Thư mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo Thư mời họp phải có các tài liệu cần thiết về những vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của các thành viên.

Điều 20. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng Quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 21. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng các yêu cầu, Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng Quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Điều 22. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c) Thời gian, địa điểm họp.
- d) Họ và tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- g) Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và những thành viên không có ý kiến.
- h) Các vấn đề đã được thông qua.
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

4. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn ít nhất 10 năm hoặc một thời hạn khác dài hơn theo quy định của pháp luật.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Người phụ trách quản trị Công ty/Thư ký Công ty chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị cho các thành viên

Hội đồng Quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt). Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản có thể có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

Điều 23. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong nội bộ công ty, cho các cơ quan hữu quan, trên trang thông tin điện tử của công ty và trên các phương tiện thông tin đại chúng theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương V. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban Hội đồng quản trị

Điều 24. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Thành viên của các Tiểu ban này do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc quyết định thành lập hoặc giải thể các Tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị sẽ quyết định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên trong tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập trong các Tiểu ban khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Việc thành lập các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị phải theo nhu cầu thực tế đòi hỏi và quy định của pháp luật liên quan.

4. Trường hợp không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

Chương VI. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

a) Kiểm soát viên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

c) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 26. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

a) Nguyên tắc bầu Kiểm soát viên tại Đại hội đồng cổ đông

- Việc bầu thành viên Kiểm soát viên được thực hiện tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Phương thức bầu dồn phiếu: mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu (x) với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát.

- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

b) Nguyên tắc trúng cử Kiểm soát viên

- Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo tổng số quyền biểu quyết được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có tổng số quyền biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số Kiểm soát viên quy định.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Kiểm soát viên thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử thông qua tại Đại hội.

2. Bổ sung Kiểm soát viên

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung Kiểm soát viên. Nguyên tắc bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như tại Khoản 1 Điều 27 Quy chế này.

b) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên mới hoặc thay thế cho Kiểm Soát viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 29. Thông báo thay đổi, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty có quyết định về thay đổi, bầu, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát trên các phương tiện đại chúng quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VII. Hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp; lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Điều 30. Hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý điều hành của Công ty phải đảm bảo chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, một (01) Phó Tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Các cán bộ quản lý khác của Công ty bao gồm Trưởng, Phó phòng ban nghiệp vụ, do Tổng Giám đốc điều hành bổ nhiệm theo đúng với phương án cơ cấu tổ chức mà Tổng Giám đốc điều hành đã kiến nghị với Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị có toàn quyền giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác và cán bộ quản lý khác.

Điều 31. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc điều hành tuân thủ theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
- b) Là người có trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn ứng với từng vị trí công việc cụ thể; là người có tinh thần trách nhiệm cao, có sự cẩn cần cần thiết để quản lý, điều hành các hoạt động được giao phó phụ trách và đạt được các mục tiêu đề ra;
- c) Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quy định và theo các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 32. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Tổng Giám đốc điều hành hoặc Hội đồng quản trị chọn một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm cho vị trí Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc có thể là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm người điều hành khác trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành, đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu trong quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý phải thực hiện thống nhất, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Khi người điều hành doanh nghiệp kết thúc thời hạn giữ chức vụ, Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng. Các yếu tố để Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm lại:

- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;
- Phẩm chất đạo đức tốt;
- Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty;
- Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ;
- Được cán bộ, nhân viên trong đơn vị tín nhiệm;
- Các yếu tố khác do Hội đồng quản trị đề ra.

Điều 33. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp của Công ty, Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp đó. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc điều hành ký hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý khác và người điều hành khác theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

Điều 34. Các trường hợp từ nhiệm, miễn nhiệm đối với người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp xin từ nhiệm phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ nhiệm. Trong thời gian chưa có ý kiến của Hội đồng quản trị thì người điều hành doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- Có đơn từ chức của người đó;
- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VIII. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành

Điều 36. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị mời Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm Tổng Giám đốc điều hành, một số người điều hành doanh nghiệp khác khi cần thiết. Trưởng Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm bố trí Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc điều hành, Kiểm soát viên và người điều hành khác có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

2. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

3. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc điều hành có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành doanh nghiệp khác tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc điều hành sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

4. Trình tự triệu tập, thông báo mời họp, biên bản họp và thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.

Điều 37. Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên, nghị quyết, biên bản họp và các tài liệu kèm theo trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;

2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành, hoạt động kinh doanh của Công ty và theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 38. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc điều hành

1. Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo các vấn đề sau cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

a) Kết quả thực hiện các nghị quyết và kế hoạch của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra; tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính của Công ty (hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hàng năm).

b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hàng năm) và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

c) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

d) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các thành viên của Ban Tổng Giám đốc cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng Giám đốc điều hành báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc điều hành hoặc người được Tổng Giám đốc điều hành ủy quyền, của Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phải gửi đến Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát một (01) bản để báo cáo.

Điều 39. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, theo kế hoạch hành động chung của Công ty.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả, thuận lợi.

3. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc điều hành thực hiện các công việc kinh doanh, cơ cấu tổ chức của Công ty theo các chiến lược, mục tiêu, kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Tổng Giám đốc điều hành là người thay mặt điều hành Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục, hiệu quả. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty hoặc các nội dung cần ý kiến của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần phê duyệt và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

5. Ban Kiểm soát thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất, đưa ra kết luận bằng văn bản và gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành (trong vòng không quá 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra) để Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành có thêm cơ sở để hoàn thiện công tác điều hành kinh doanh, công tác quản lý Công ty.

Điều 40. Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp

1. Phương thức đánh giá

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các người điều hành khác của Công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- a) Tự nhận xét, đánh giá;
- b) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- c) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Tiêu chí đánh giá

a) Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm Soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các người điều hành khác căn cứ vào kế hoạch đề ra của từng năm, mức độ hoàn thành kế hoạch của từng thành viên. Việc đánh giá hoạt động được thực hiện định kỳ, sáu (06) tháng và hàng năm.

b) Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm Soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các người điều hành khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

3. Khen thưởng, kỷ luật:

a) Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

b) Tổng Giám đốc điều hành có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc điều hành bổ nhiệm.

c) Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

Chương IX. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Điều 41. Trách nhiệm của người điều hành doanh nghiệp trong việc ngăn ngừa xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ sau đây: Thực hiện đầy đủ các nội dung Thỏa thuận khung hoạt động chung trong Tổ hợp công ty mẹ - công ty con Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác phải có các trách nhiệm cần trọng, trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường theo quy định tại Điều 44, Điều 45, Điều 46 Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 42. Giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

Các giao dịch về cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này phải tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Chương X. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Điều 43. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

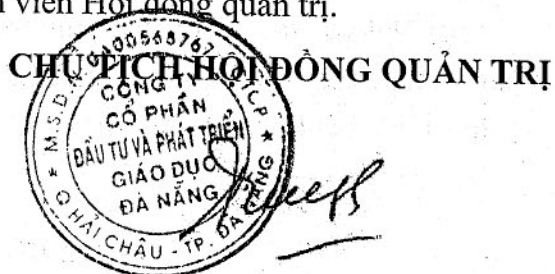
1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ do Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong những trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ hoặc bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XI. Ngày hiệu lực

Điều 44. Ngày hiệu lực

1. Bản Quy chế này gồm 11 Chương, 44 Điều và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/3/2018 và sửa đổi bổ sung ngày 26/3/2020.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.



Nguyễn Thị Thanh Thủy